| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**XÃ VẠN HÒA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 40/KH-UBND | *Vạn Hòa, ngày 06 tháng 10 năm 2022* |

# KẾ HOẠCH
## Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2022

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (gọi tắt là Nghị định số 07); Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 (gọi tắt là Quyết định số 24); Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình và mẫu biểu báo cáo; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động TBXH sửa đổi một số nội dung Thông tư 07/2021.

Thực hiện Kế hoạch số168/KH-UBND ngày 14/9/2022 của UBND huyện về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2022. Ủy ban nhân dân xã Vạn Hòa xây dựng Kế hoạch, tổ chức thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 với những nội dung sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

Tổ chức rà soát nhằm xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và thu nhập hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 để đánh giá kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo năm 2022, được quy định tại Nghị định số 07, Quyết định số 24 là cơ sở để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và dịch vụ xã hội cơ bản của người dân giúp các cấp chính quyền triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách kinh tế - xã hội khác năm 2023 và các năm tiếp theo.

#### 2. Yêu cầu

Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 thực hiện đúng phương pháp, quy trình được quy định tại Quyết định 24, Thông tư 07 và Thông tư 02 đảm bảo công khai, dân chủ, đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc và sự tham gia của người dân.

### II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

#### 1. Phạm vi

Thực hiện trên địa bàn toàn xã.

**2. Đối tượng áp dụng**

Hộ gia đình, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã.

**III. NỘI DUNG**

**2. Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều, chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo**

*1.1. Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều*

a) Tiêu chí thu nhập

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng.

b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

- Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.

- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

*1.2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình*

a) Chuẩn hộ nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống ; và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Chuẩn hộ cận nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống; và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

c) Chuẩn hộ có mức sống trung bình

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

**2. Quy trình, tiến độ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình**

*2.2.1. Quy trình rà soát định kỳ (theo quy định tại điều 4 Quyết định số 24)*

**Bước 1**. Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát (Mẫu số 03).

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với các thôn, và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát, gồm:

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND cấp xã đang quản lý tại thời điểm rà soát;

- Đối với hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát (theo mẫu số 01) và những hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm, có nguy cơ nghèo, cận nghèo do rà soát viên, trưởng thôn phát hiện lập danh sách đưa vào Mẫu số 02 (Phiếu A)

để nhận dạng nhanh. Trường hợp có dưới 4 tiêu chí thì đưa vào danh sách hộ cần rà soát. => Chuyển điều tra phiếu B

***Lưu ý***: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã (Cán bộ được phân công chỉ đạo các thôn), trưởng thôn, rà soát viên, chủ động phát hiện những hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm, có nguy cơ nghèo, cận nghèo để hướng dẫn hộ gia đình làm giấy đề nghị đưa vào danh sách các hộ rà soát nhanh theo phiếu A.

**Bước 2.** Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình (Mẫu số 4.2 – *Phiếu B đối với khu vực nông thôn*).

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã (*Cán bộ chỉ đạo được phân công phụ trách thôn*) chỉ đạo phối hợp với trưởng thôn và rà soát viên thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

**Bước 3**. Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát.

- Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã được phụ trách các thôn, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, Trưởng thôn (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ thôn, đoàn thể, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

- Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại từ bước 2 theo quy định.

- Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản (Mẫu số 05), có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở thôn, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã).

**Bước 4**. Niêm yết, thông báo công khai.

- Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (Mẫu số 06, mẫu số 07) tại nhà văn hóa thôn và trụ sở UBND cấp xã; thông báo qua đài truyền thanh cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở UBND cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (ngay sau khi rà soát).

**Bước 5**. Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện:

- UBND cấp xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch UBND cấp huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn (Mẫu số 08)

**Bước 6**. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Chủ tịch UBND cấp xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch UBND huyện, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn (Mẫu số 19) và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo (Mẫu số 20).

***2.2** Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm*

- Thực hiện theo quy định tại điều 5 Quyết định số 24 (khi hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc giấy đề nghị công nhận hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo theo mẫu, nộp trực tiếp về UBND xã.

- Thời gian rà soát: mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng.

***2.3**. Quy trình xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình*

- Thực hiện theo quy định tại điều 6 Quyết định số 24.

+ Hộ gia đình làm trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình có đơn đề nghị (theo mẫu 01) gửi UBND cấp xã.

+ Ban chỉ đạo rà soát (được phân công chỉ đạo rà soát theo từng thôn) tiến hành xác đinh thu nhập của hộ gia đình (theo mẫu số 22- Phiếu khảo sát, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình)

- Thời gian thực hiện: Từ ngày 15 hằng tháng.

**3. Phương pháp rà soát và phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo**

*3.1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo* (theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 24): Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm (theo Mẫu số 04 – phiếu B) để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm B1):

+ Ở khu vực nông thôn: 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng;

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B2):10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

*3.2. Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo*

- Hộ nghèo:

+ Khu vực nông thôn: hộ có điểm B1 ≤ 140 điểm và điểm B2 ≥ 30 điểm.

- Hộ cận nghèo:

+ Khu vực nông thôn: hộ có điểm B1≤ 140 điểm và điểm B2< 30 điểm.

**4. Phương pháp xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình**

Là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

**5. Hệ thống biểu mẫu, phiếu rà soát**

Hệ thống biểu: bao gồm hệ thống các biểu mẫu quy định tại Quyết định số 24, Thông tư số 07 đã được đánh lại số thứ tự và một số mẫu biểu có bổ sung thêm thông tin nhằm phục vụ công tác tổng hợp và thực hiện chính sách giảm nghèo có liên quan.

**6. Báo cáo kết quả rà soát định kỳ năm 2022**

**** Đối với các đơn vị thôn**:*

*+ Báo cáo kết quả rà soát sơ bộ về UBND cấp xã trước ngày **24/10/2022** (đơn của hộ gia đình, phiếu A, phiếu B, danh sách sơ bộ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo sau khi điều tra phiếu B)*

*+Báo cáo kết quả chính thức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trước ngày **02/11/2022**( Biên bản họp thôn, Biên bản kết thúc niêm yết công khai; danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo năm 2022,và toàn bộ hệ thống biểu mẫu, đơn và phiếu điều tra)*

**** Đối với UBND xã:***

- UBND xã báo cáo sơ bộ về UBND cấp huyện ***trước ngày 28/10/2022***. Hồ sơ báo cáo gồm: Công văn báo cáo và biểu tổng hợp theo Mẫu số 08.

*- Báo cáo chính thức*

UBND cấp xã báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện ***trước ngày 08/11/2022***. Hồ sơ báo cáo gồm:

- Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo của Chủ tịch UBND cấp xã (Mẫu số 06, mẫu 07, Mẫu số 19) kèm hệ thống biểu tổng hợp của cấp xã từ Mẫu số 08 đến Mẫu số 18 theo chuẩn giai đoạn 2022 - 2025.

- Hồ sơ lưu tại UBND cấp xã gồm: (1) Hệ thống bảng biểu, Giấy đề nghị rà soát, Phiếu rà soát; (2) Văn bản xin ý kiến của Chủ tịch UBND cấp xã và văn bản trả lời của Chủ tịch UBND cấp huyện về kết quả rà soát; (3) Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo của Chủ tịch UBND cấp xã, biểu tổng hợp của xã; (4) Quyết định phê duyệt kết quả rà soát của Chủ tịch UBND cấp huyện kèm các biểu mẫu tổng hợp; (5) Các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện tại cấp xã.

**7. Báo cáo kết quả rà soát thường xuyên**

Ngày 05 hằng tháng (từ tháng 02 đến tháng 9), Chủ tịch UBND cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND huyện kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên trên địa bàn (nếu có).

**8. Kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí thực hiện việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 đã được phân bổ tại Quyết định số 8045/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2022.

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Ủy ban nhân dân xã**

a) Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã do Chủ tịch UBND cấp xã làm Trưởng ban; công chức Văn hóa - Xã hội cấp xã làm Phó Trưởng ban; công chức Văn phòng - Thống kê, Tài chính - Kế toán, Nông nghiệp - Địa chính - Xây dựng, Tư pháp - Hộ tịch; Cán bộ, công chức có liên quan, các Trưởng thôn trên địa bàn và cán bộ Ngân hàng chính sách xã hội được phân công theo dõi tại xã làm thành viên. Mời lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã tham gia giám sát.

Thành lập tổ rà soát tại thôn: Đồng chí Trưởng thôn làm tổ trưởng, Đồng chí phó bí thư Chi bộ làm tổ phó (Riêng thôn Tân Dân, thôn Ngọc Bản, thôn Vạn thọ mời đồng chí Bí thư Chi bộ tham gia tổ rà soát), đại diện một số đoàn thể (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Công an viên,...) cùng tham gia lực lượng rà soát viên. Tùy số lượng hộ trong thôn và đề xuất của thôn Chủ tịch UBND cấp xã quyết định số lượng, thành phần tham gia lực lượng rà soát viên nhằm đảm bảo tiến độ thời gian theo kế hoạch.

Ban Chỉ đạo cấp xã giúp Chủ tịch UBND cấp xã:

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Tổ chức tập huấn, triển khai kế hoạch rà soát hộ nghèo cho lực lượng rà soát viên và những cá nhân có liên quan về quy trình, phương pháp và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống tủng bình trên địa bàn xã

- Chỉ đạo tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã

b, Ban hành và chỉ đạo triển khai kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn cấp xã

c, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo và cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

d, UBND xã tổng hợp, báo cáo chủ tịch UBND huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2022-2025.

đ, Tổ chức xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình khi nhận được giấy đề nghị của hộ gia đình

e, Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn xã

f, Tuyên truyền, giải thích cho cán bộ và nhân dân ở địa bàn xã hiểu được

mục đích, ý nghĩa và phương pháp, quy trình, công cụ, tiêu chí và mức chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022-2025 và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình

g) Các đồng chí được phân công phụ trách các thôn và các đồng chí trưởng thôn chịu trách nhiệm về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của thôn mình trước Chủ tịch UBND xã.

Trong quá trình chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nếu còn vướng mắc phát sinh, ánh kịp thời về Ban Chỉ đạo (qua Thường trực Ban chỉ đạo) để phối hợp, giải quyết./.

***Nơi nhận:***
- Phòng LĐTBXH (để b/c);
- TT.Đảng ủy - HĐND xã (để b/c);
- Ủy ban MTTQ và đoàn thể cấp xã;
- Thành viên BCĐ rà soát hộ nghèo;
- Các ban, ngành, đoàn thể liên quan;
- 08 thôn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Sang**

**PHỤ LỤC II. HỆ THỐNG BIỂU MẪU RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO**

*(Kèm theo Kế hoạch số 40 KH-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2022 của UBND xã Vạn Hòa)*

1. Mẫu số 01. Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc xác định hộ có mức sống trung bình.
2. Mẫu số 02. Phiếu A – Nhận dạng nhanh hộ gia đình
3. Mẫu số 03. Danh sách hộ gia đình cần rà soát
4. Mẫu số 04. Phiếu B – Rà soát thông tin hộ gia đình:
   - Mẫu số 4.2.Phiếu B-Rà soát thông tin hộ gia đình ở khu vực nông thôn.
5. Mẫu số 05. Biên bản kết quả họp dân để thống nhất kết quả rà soát.
6. Mẫu số 06. Danh sách hộ nghèo, cận nghèo sau khi rà soát
7. Mẫu số 07. Danh sách hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo sau khi rà soát.
8. Mẫu số 08. Biểu tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.
9. Mẫu số 09. Biểu tổng hợp diễn biến hộ nghèo trong năm
10. Mẫu số 10. Biểu tổng hợp diễn biến hộ cận nghèo trong năm.
11. Mẫu số 11. Biểu phân tích các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo.
12. Mẫu số 12. Biểu phân tích tỷ lệ các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo.
13. Mẫu số 13. Biểu phân tích các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo.
14. Mẫu số 14. Biểu phân tích tỷ lệ các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo.
15. Mẫu số 15. Biểu phân tích hộ nghèo theo các nhóm đối tượng.
16. Mẫu số 16. Biểu phân tích hộ nghèo theo các nhóm dân tộc.
17. Mẫu số 17. Biểu phân tích hộ nghèo theo các nguyên nhân nghèo.
18. Mẫu số 18. Biểu tổng hợp chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.
19. Mẫu số 19. Mẫu quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo trên địa bàn.
20. Mẫu số 20. Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.
21. Mẫu số 21. Giấy đề nghị công nhận hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo.
22. Mẫu số 22. Phiếu khảo sát, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.
23. Mẫu số 23. Mẫu quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo của Chủ tịch UBND cấp huyện.

**HỆ THỐNG BIỂU MẪU RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO**

**CÁC THÔN PHẢI NỘP**

*(Kèm theo Kế hoạch số 40 KH-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2022 của UBND xã Vạn Hòa)*

**1**. Mẫu số 01. Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (đối hộ tăng mới, chưa nằm trong DS hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021)

**2**. Mẫu số 02. Phiếu A – Nhận dạng nhanh hộ gia đình (hộ tăng mới)

**3**. Mẫu số 03. Danh sách hộ gia đình cần rà soát

**4**. Mẫu số 04.2 . Phiếu B – Rà soát thông tin hộ gia đình:

**5**. Mẫu số 05. Biên bản kết quả họp dân để thống nhất kết quả rà soát.

**6**. Mẫu số 06. Danh sách hộ nghèo, cận nghèo sau khi rà soát

**7**. Mẫu số 07. Danh sách hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo sau khi rà soát.

**8**.Mẫu số 08. Biểu tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

**9**. Mẫu số 09. Biểu tổng hợp diễn biến hộ nghèo trong năm

**10**. Mẫu số 10. Biểu tổng hợp diễn biến hộ cận nghèo trong năm.